

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16/2017/DS-ST

Ngày 12/7/2017

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản giữa
anh X với chị H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang
Ông Nguyễn Quốc Sửu

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kim Oanh, Kiểm sát viên

Trong các ngày 11 và 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2014/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2014 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: anh Vũ Văn X - sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, T, Bắc Giang;

2- Bị đơn: chị Hoắc Thị H - sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H:

Ông Nguyễn A - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Đình H,
Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Chị Lê Thị H - sinh năm 1988 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do anh Vũ Văn X đại diện theo ủy quyền.

- Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Do chị Hoắc Thị H đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai bổ sung, nguyên đơn là anh Vũ Văn X trình bày:

Anh có mối quan hệ họ hàng với chị Hoắc Thị H, trong khoảng thời gian từ năm 2011 đến năm 2013, anh X có cho chị Hoắc Thị H vay tiền nhiều lần để kinh doanh, khi vay có viết giấy vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 19/4/2011 âm lịch (tức ngày 21/5/2011 dương lịch) anh X cho chị H vay số tiền 80.000.000đ, không có thời hạn và lãi suất.

- Ngày 08/02/2013, anh X cho chị H vay số tiền 400.000.000đ, không lãi suất, thời hạn trả là ngày 08/4/2013.

- Ngày 19/5/2013, anh X cho chị H vay số tiền 600.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất trong giấy mà thỏa thuận miệng là khi nào trả gốc thì tùy chị H trả lãi, thời hạn trả là ngày 19/7/2013. Chị H nói vay có việc nhưng thực tế chị H sử dụng vào việc gì anh không biết. Trước đó chị H gặp anh nhiều lần hỏi vay số tiền này nhưng lúc này chị H còn nợ tiền anh nên anh không muốn cho vay nhưng chị H hứa khi nào giải quyết xong việc sẽ trả anh cả gốc và lãi của tất cả các lần vay nên anh nể tình anh em đã đồng ý cho vay. Do anh chưa có đủ 600 triệu nên anh đã vay của ông Lâm, bà Sáng và ông Hiệp chiều hôm trước để hôm sau (19/5/2013) anh một mình đi đến nhà chị H đưa cho chị H vay. Anh không nhớ là tại phòng karaoke hoặc là quầy bar nhà chị H, anh đã giao tiền, chị H nhận đủ tiền rồi lên nhà chính cất tiền, khoảng 10 phút sau quay lại đưa cho anh “Giấy nhận nợ” ngày 19/5/2013, hẹn 2 tháng sau sẽ trả tiền. anh hỏi sao mặt sau lại có viết nguệch ngoạc bằng bút bi thì chị H bảo trẻ con nhà chị viết nghịch, còn nội dung ghi đằng trước rồi. Anh cầm giấy về và không viết thêm gì vào đó.

Nay chị Hoắc Thị H không thanh toán trả tiền nên anh khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Hoắc Thị H và anh Nguyễn Văn C phải thanh toán trả cho anh số tiền gốc là 1.080.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định kể từ khi vay của từng mã vay đến khi xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, anh X giữ nguyên yêu cầu đòi số tiền gốc 1.080.000.000đ. Về tiền lãi, anh yêu cầu tính lãi theo mức 0,75%/tháng từ sau khi hết hạn cho vay đối với hai mã 400 triệu đồng và mã 600 triệu đồng đến khi xét xử vụ án, còn mã vay 80 triệu thì anh không yêu cầu tiền lãi. .

Tại bản tự khai ngày 27/3/2014 và các biên bản ghi lời khai ngày 21/12/2016, ngày 13/4/2017, bị đơn là chị Hoắc Thị H trình bày:

Ngày 19/4/2011 chị có vay của anh X số tiền 80.000.000đ. Ngày 08/2/2013 chị có viết giấy vay của anh X 400.000.000đ để giúp anh X khát nợ, 02 giấy vay số tiền 80.000.000đ và 400.000.000đ mà chị viết là 02 lần vay khác nhau nhưng có liên quan đến nhau. Lần đầu tiên vào ngày 19/5/2011, chị vay anh X 80.000.000đ nhưng không nhớ mục đích vay cụ thể là để làm gì. Sau đó đến ngày 08/02/2013, do chị chưa trả được nên chị và anh X đã chốt nợ cả gốc và lãi của mã 80.000.000đ thành 400.000.000đ, trong đó có 80.000.000đ là tiền gốc, còn lại là tiền lãi của mã 80.000.000đ tính theo mức 2.000đ/triệu/ngày từ ngày vay đến ngày chốt nợ làm tròn là 320.000.000 đồng, tổng gốc và lãi là 400.000.000đ. Địa điểm chốt nợ tại phòng karaoke số 3 của gia đình chị, có mặt

chị, anh X và chị A là chị gái anh X, ngoài ra không có ai khác. Hôm đó chị có đòi giấy vay 80.000.000đ nhưng anh X nói giấy vay 80.000.000đ đang cất trong két sắt, không mở được nên chị không lấy lại giấy vay 80.000.000đ để hủy đi được. Lúc đó chị nghĩ 80.000.000đ cũng không phải số tiền lớn, chị và anh X lại là anh em tin tưởng nhau nên chị cũng nhất trí.

Đến ngày 19/5/2013, chị và anh X tiếp tục chốt nợ của mã 400.000.000đ, gồm 400.000.000đ tiền gốc đã chốt vào lần trước, cộng với tiền lãi tính theo mức 5.000đ/ 1.000.000đ/ ngày từ ngày 08/02/2013 đến ngày 19/5/2013 làm tròn là 200.000.000đ, tổng gốc và lãi là 600.000.000đ. Từ thời điểm chốt nợ 600.000.000đ đó, do anh X tính lãi quá cao nên chị không tin tưởng nữa và không thỏa thuận gì về lãi với anh X nữa. Lúc đó chị đòi anh X trả 02 giấy biên nhận mã 80.000.000đ và 400.000.000đ thì anh X và chị A nói là họ quên không mang 02 giấy biên nhận đó đi, nghe vậy thì chị không đồng ý viết giấy nhận nợ 600.000.000đ. Sau đó anh X, chị A thuyết phục chị đồng ý viết giấy nhận nợ 600.000.000đ với điều kiện chị viết thêm vào cuối giấy nhận nợ nội dung là “tất cả các giấy vay nợ từ nay hết về trước không có hiệu lực pháp lý”. chị A nói là không nên viết vào cuối giấy nhận nợ mà phải viết vào mặt sau, chị đồng ý và viết vào mặt sau giấy nhận nợ số tiền 600.000.000đ dòng chữ có nội dung trên, sau đó hai bên gồm bên viết giấy (tức là chị) và bên kia là anh Vũ Văn X cùng ký tên ở dưới.

Chị đã được xem bản gốc giấy nhận nợ 600.000.000đ thì thấy phần chữ viết và ký ở mặt sau giấy đã bị anh X tẩy xóa hết, không đọc được nội dung, chị đề nghị Tòa án trung cầu giám định tại Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc Phòng xem nội dung các chữ đã bị xóa là gì. Tại kết luận giám định số 58 ngày 24/6/2015 đã kết luận “Không khôi phục được nội dung các ký tự đã bị tẩy xóa tại “Giấy nhận nợ” ngày 19/5/2013.

Việc chị nhận nợ 600.000.000đ với anh X xuất phát từ khoản tiền gốc 80.000.000đ và cộng với tiền lãi thành 400.000.000đ rồi lại cộng tiền lãi thành 600.000.000 như chị trình bày ở trên, không liên quan đến khoản nợ nào khác. Chị khẳng định chưa bao giờ được nhận số tiền mặt 600.000.000đ nào do anh X đưa cả, tiền mặt thực tế nhận của anh X chỉ có 80.000.000đ ban đầu, còn lại 520.000.000đ đều là tiền lãi phát sinh.

Khi anh X và chị A đến nhà chị để chốt nợ số tiền 600.000.000đ thì chồng chị là anh C cũng nhìn thấy và còn hỏi là “chúng nó đến làm gì”, chị chỉ nói là “đến chốt nợ” nhưng lúc chị và anh X chốt nợ tại phòng karaoke số 3 của gia đình chị thì anh C không có mặt và cũng không biết nội dung cụ thể việc vay nợ, chốt nợ của chị như thế nào.

Nay anh X yêu cầu chị trả số tiền 1.080.000.000đ và tiền lãi theo mức 0,75%/tháng từ khi vay đến khi xét xử thì chị chỉ đồng ý trả anh X số tiền 600.000.000đ theo giấy nhận nợ cuối cùng, chị không đồng ý trả lãi vì trong 600.000.000đ đã bao gồm cả tiền gốc và lãi. Còn số tiền 480.000.000đ, chị khẳng định chị không nợ anh X số tiền đó, nếu anh X nhất quyết đòi cả số tiền

đó thì dù gì anh X cũng là anh con bác ruột chị, chị sẽ cho anh X 480.000.000đ để làm từ thiện.

Tại phiên tòa, chị Hoắc Thị H vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/6/2014, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C trình bày:

Vợ anh là chị H có vay tiền của anh X 03 lần vào ngày 19/4/2011 là 80.000.000 đồng, ngày 08/02/2013 là 400.000.000 đồng và ngày 19/5/2013 là 600.000.000 đồng như các giấy vay tiền và giấy nhận nợ đã thể hiện hay không thì anh không biết, anh cũng không ký vào giấy vay tiền. Anh nghĩ là vợ anh vay tiền này để dùng vào việc kinh doanh của gia đình. Nay anh X khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh phải trả 1.080.000.000đồng tiền gốc và 115.000.000 đồng tiền lãi thì anh không biết chị H vay bao nhiêu tiền gốc, lãi suất thế nào. Vì vậy anh để cho chị H toàn quyền quyết định về số tiền này, ý kiến của vợ anh thế nào anh cũng đồng ý. Do công việc bận nên anh xin được vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải và xét xử. Anh ủy quyền cho chị H tham gia giải quyết toàn bộ vụ án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc vụ án. Ý kiến của chị H thế nào cũng là ý kiến của anh.

Tại phiên tòa, anh C vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2014, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H trình bày:

Vợ chồng chị có cho chị H vay tiền 03 lần gồm: Ngày 19/4/2011 cho vay 80.000.000 đồng, ngày 08/02/2013 cho vay 400.000.000 đồng và ngày 19/5/2013 cho vay 600.000.000 đồng. Đến nay số tiền chị H vay của vợ chồng chị đã quá hạn nên chị yêu cầu chị H cùng chồng là anh C phải trả cho vợ chồng chị số tiền là 1.080.000.000 đồng và tiền lãi đến hết tháng 5/2014 là 115.000.000 đồng cùng tiền lãi tính từ ngày 01/6/2014 đến khi ra bản án theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định. Do điều kiện sức khỏe không thể có mặt tại các buổi hòa giải, xét xử vụ án được nên chị xin được vắng mặt và ủy quyền cho anh X tham gia giải quyết vụ án từ đầu đến khi kết thúc vụ án. Ý kiến của anh X thế nào cũng là ý kiến của chị.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị H vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Văn X cho chị Hoắc Thị H (gọi là chị H) vay tiền nhiều lần gồm: Ngày 19/4/2011 âm lịch (tức ngày 21/5/2011 dương lịch) cho vay số tiền 80.000.000đ, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Ngày 08/02/2013 cho vay số tiền 400.000.000đ, thời hạn trả là ngày 08/4/2013. Ngày 19/5/2013, chị H lại viết giấy nhận nợ số tiền 600.000.000đ, thời hạn trả là ngày 19/7/2013. Đến hạn trả tiền nhưng chị H không trả nợ nên anh X khởi kiện. Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiền hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định. Về việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, HĐXX sẽ nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền là anh X. Anh Nguyễn Văn C đã ủy quyền cho chị H, chị H là bị đơn cùng với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về quan hệ tranh chấp: Ngày 19/4/2011 âm lịch (tức ngày 21/5/2011 dương lịch) anh X cho chị H vay số tiền 80.000.000đ, không thỏa thuận thời hạn và lãi suất. Ngày 08/02/2013, anh X cho chị H vay số tiền 400.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là ngày 08/4/2013. Ngày 19/5/2013, chị H lại viết giấy nhận nợ số tiền 600.000.000đ, không lãi suất, thời hạn trả là ngày 19/7/2013. Khi hết hạn trả nợ, chị H không thanh toán tiền nợ là vi phạm cam kết dẫn đến anh X phải khởi kiện ra Tòa án nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

3. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với Giấy vay nợ ngày 19/4/2011 âm lịch (tức ngày 21/5/2011 dương lịch), hai bên đều thừa nhận anh X cho chị H vay số tiền 80.000.000đ, chị H đã viết giấy vay nợ làm bằng chứng trong đó không nêu thời hạn trả tiền và lãi suất. Do vậy, HĐXX xác định chị H có vay của anh X 80.000.000đ.

- Đối với Giấy vay tiền ngày 08/02/2013 thể hiện chị H vay của anh X số tiền 400.000.000đ, không ghi lãi suất, thời hạn trả là ngày 08/4/2013, chị H đã viết giấy và ký nhận vào mục người vay ký. Anh X trình bày anh cho chị H vay 400 triệu và chị H đã viết giấy vay tiền. Chị H khai, do chị chưa trả được nên chị và anh X đã chốt nợ cả gốc và lãi của mã 80.000.000đ thành 400.000.000đ, trong đó tiền lãi tính theo mức 2.000đ/triệu/ngày từ ngày vay đến ngày chốt nợ làm tròn là 320.000.000 đồng, tổng gốc và lãi là 400.000.000đ. Xét thấy, ý kiến của chị H là không hợp lý bởi lẽ với mức lãi như vậy thì số tiền lãi cũng chỉ khoảng 100 triệu đồng, chênh lệch quá lớn với con số 320 triệu. Hơn nữa, căn cứ các tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T cung cấp, thấy

rằng: Tại Bản tường trình ngày 22/7/2013 và Biên bản ghi lời khai cùng ngày của chị H, chị đã thừa nhận có vay của anh X số tiền 400.000.000đ và hiện tại còn nợ anh X số tiền trên. Do vậy, cần xác định ngày 08/02/2013 anh X đã cho chị H vay 400 triệu đồng và Giấy vay tiền ngày 08/02/2013 là hợp đồng vay tiền chứ không phải là giấy chốt nợ như chị H trình bày.

- Đối với Giấy nhận nợ ngày 19/5/2013 do chị H viết. Anh X khai hôm đó anh đã cho chị H vay 600 triệu đồng và Giấy nhận nợ này là hợp đồng vay tiền. Chị H khai, chị viết giấy nhận nợ là do chốt nợ của số tiền 400 triệu cộng với tiền lãi với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày từ ngày 08/02/2013 đến 19/5/2013 là khoảng 200 triệu đồng, làm tròn cả gốc và lãi thành 600 triệu chứ không phải ngày hôm đó chị vay của anh X 600 triệu đồng. Tại cơ quan điều tra chị lại khai mức lãi là 3.000đ/triệu/ngày. Sau khi viết giấy nhận nợ thì anh X không trả 2 giấy vay nợ 80 triệu đồng và 400 triệu đồng nên chị H đã viết vào mặt sau của giấy vay nợ ngày 19/5/2013 nội dung “tất cả các giấy vay nợ cũ đều không có giá trị kể từ ngày 19/5/2013” rồi anh X và chị đều ký nhận bên dưới. Kết luận giám định không truy nguyên được nội dung như chị nêu trên. Ngoài chị và anh X giao dịch với nhau thì không có ai chứng kiến việc chị nhận nợ chứ không phải vay tiền nên HĐXX xác định ngày 19/5/2013 anh X đã cho chị vay 600 triệu đồng và giấy nhận nợ chính là biên nhận vay tiền.

Nay anh X khởi kiện yêu cầu chị Hoắc Thị H và chồng là anh Nguyễn Văn C cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng anh X số tiền gốc 1.080.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005

Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện ban đầu, anh X yêu cầu chị H và anh C phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố của số tiền gốc 1.080.000.000đ tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện (26/5/2014) là 115.000.000đ. Tại phiên tòa, anh X thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi như sau: Yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định đối với 02 khoản tiền gốc là 400.000.000đ và 600.000.000đ tính từ khi hết hạn vay theo giấy vay nợ đến ngày xét xử vụ án, còn khoản vay 80.000.000đ anh X không yêu cầu tính lãi.

Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện về tính tiền lãi của anh X tại phiên tòa là tự nguyện, không trái pháp luật nên HĐXX đình chỉ yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 80.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu tính lãi của khoản vay 400.000.000đ và 600.000.000đ, đây là hai hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi, nay anh X yêu cầu tính lãi từ khi hết hạn trả nợ đến khi xét xử vụ án là có căn cứ theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Vì vậy, số tiền lãi được tính như sau:

- Khoản vay 400.000.000đồng: $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\% = 3.000.000\text{đồng/tháng} = 100.000\text{/ngày}$. Lãi từ ngày 09/4/2013 đến 12/7/2017 là: $3.000.000\text{đồng} \times 51 \text{ tháng} + 100.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ ngày} = 153.300.000 \text{ đồng}$.

- Đối với khoản tiền 600.000.000đ: $600.000.000đ \times 0,75\% = 4.500.000đ/tháng = 150.000đ/ngày$. Lãi từ 20/7/2013 đến 12/7/2017 là $4.500.000đ \times 47 tháng + 150.000đ \times 22 ngày = 214.800.000đ$.

Tổng số tiền lãi là 368.100.000đ. Tổng cả gốc và lãi là 1.448.100.000đ.

4. Về nghĩa vụ trả nợ: Đối với chị Lê Thị H và anh X đều khai số tiền trên là tài sản của vợ chồng chị do anh X đứng ra cho chị H vay để kinh doanh, chị H và anh C cũng thừa nhận chị H vay tiền để kinh doanh. Xét thấy việc chị H vay tiền để kinh doanh nhằm phát triển kinh tế gia đình nên buộc chị H và anh C phải liên đới trả cho vợ chồng anh X 1.448.100.000đ.

5. Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền là 10%/năm.

6. Về chi phí giám định: Chi phí giám định tại Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng hết 600.000 đồng, chị H đã nộp số tiền chi phí này. Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu giám định chữ viết của chị H là không có căn cứ nên chị H phải chịu số tiền này theo quy định tại khoản 1 Điều 161 BLTTDS.

7. Về án phí: theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì anh X được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên chị H và anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 1.448.100.000đ là 36.000.000 đồng + 3% của 648.100.000 đồng = 55.443.000 đồng.

Anh Vũ Văn X và chị Lê Thị H không phải chịu án phí, cần hoàn trả anh Vũ Văn X số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 471, khoản 1, 4 Điều 474, khoản 1 Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn X đối với chị Hoắc Thị H.

Buộc chị Hoắc Thị H và anh Nguyễn Văn C phải liên đới trả cho anh Vũ Văn X và chị Lê Thị H số tiền cả gốc và lãi là 1.448.100.000đ (một tỷ bốn trăm bốn tám triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí giám định: chị Hoắc Thị H phải chịu 600.000đồng chi phí giám định. Xác nhận chị H đã nộp đủ chi phí giám định.

3. Án phí:

- Chị Hoắc Thị H và anh Nguyễn Văn C phải chịu 55.443.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại anh Vũ Văn X số tiền 23.900.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2012/00504 ngày 04 tháng 6 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thế Đăng